

# MARKET LENS

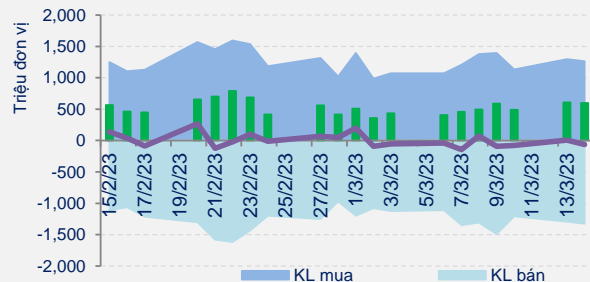
Phiên giao dịch ngày:

14/3/2023

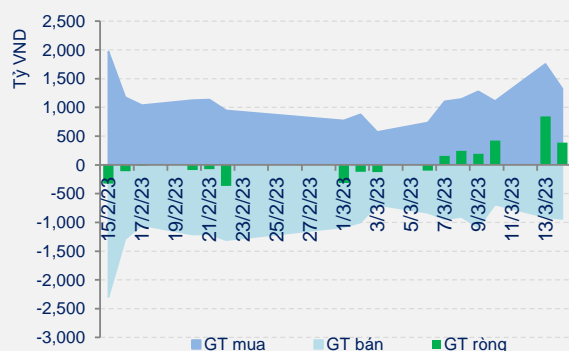
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,040.13	202.55
% Thay đổi	↓ -1.20%	↓ -1.60%
KLGD (CP)	597,228,671	78,068,719
GTGD (tỷ đồng)	10,438.43	1,140.68
Tổng cung (CP)	1,327,962,164	123,692,700
Tổng cầu (CP)	1,264,988,668	112,030,900

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	34,607,100	314,637
KL mua (CP)	50,543,300	687,300
GT mua (tỷ đồng)	1,324.04	18.82
GT bán (tỷ đồng)	937.94	5.28
GT ròng (tỷ đồng)	386.09	13.53

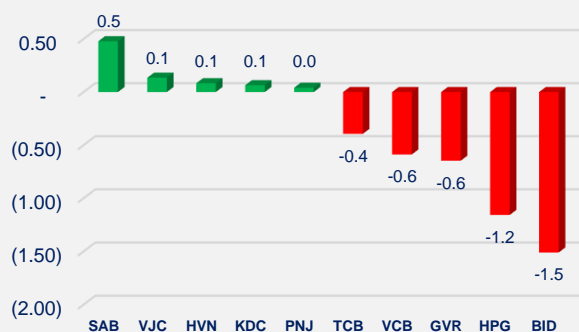
## Tương quan cung cầu HOSE



## Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



## Các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX



## DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

VN-INDEX mở đầu phiên 14/03/2023 giảm điểm, sau đó áp lực bán tiếp tục gia tăng mạnh, mở rộng sang nhiều mã nhóm mã và kéo dài cho đến cuối phiên. Kết phiên VN-INDEX giảm 12,67 điểm (-1,20%) về mức 1.040,13 điểm, khối lượng giao dịch gia tăng so với phiên trước thể hiện áp lực bán mạnh hơn. VN30 giảm 12,72 điểm (-1,21%) về mức 1.037,35 điểm, HNX-INDEX giảm mạnh hơn -3,30 điểm (-1,60%) về 202,55 điểm, UpCom giảm 0,61 điểm (-0,80%) về 75,77 điểm. Thanh khoản trên 02 sàn HOSE, HNX đạt 11.576,22 tỷ đồng, trên mức trung bình, tương ứng với 675 triệu cổ phiếu được giao dịch.

Khối lượng giao dịch gia tăng so với phiên trước, nhưng giá trị giao dịch giảm, thể hiện áp lực bán nhiều, mở rộng ở nhóm cổ phiếu vốn hóa nhỏ và trung bình. Độ rộng thị trường trở nên tiêu cực hơn với VN-INDEX có 365 mã giảm điểm (5 mã giảm sàn), 56 mã tăng điểm (03 mã tăng trần). Nhà đầu tư nước ngoài mua vào 1.324,04 tỷ đồng, bán ra 937,94 tỷ đồng, tiếp tục duy trì mua ròng với mức độ giảm so với phiên trước tương ứng 386,09 tỷ đồng. Duy trì mua ròng với giá trị 13,53 tỷ đồng trên HNX.

Với độ rộng thị trường tiêu cực, hầu hết các nhóm ngành đều giảm điểm mạnh. Trong đó nhóm dầu khí có mức giảm điểm mạnh như PVD (-5,94%), PVT (-5,71%), VIP (-5,0%), PVS (-4,60%).. dưới áp lực giảm giá của giá dầu cũng như nỗi lo suy thoái kinh tế. Nhóm thép cũng chịu áp lực bán mạnh như NKG (-5,79%), HSG (-4,01%), TLH (-3,95%), HPG (-3,79%).

Nhóm cổ phiếu xây dựng, đầu tư công ngoại trừ LCG tăng 2,06% hầu hết đều chịu áp lực bán mạnh như VCG (-4,71%), PLC (-3,96%), HT1 (-3,69%), C4G (-3,60%)... Tương tự ở nhóm cổ phiếu bất động sản ngoài VHM, PDR giữ được mức giá tham chiếu thì đều chịu áp lực bán mạnh như DIG (-5,17%), DXG (-4,91%), HDC (-4,02%), SCR (-3,66%)...

Nhóm cổ phiếu ngân hàng, tài chính chứng khoán cũng chịu áp lực điều chỉnh với khối lượng gia tăng như EIB (-3,73%), BID (-2,59%), STB (-2,40%)... HCM (-4,58%), MBS (-4,41%), BSI (-3,94%), VCI (-3,87%)...

Trên thị trường phái sinh, hợp đồng tương lai VN30F2303 giảm 10,1 điểm (-0,96%), duy trì mức chênh lệch không đáng kể với chỉ số VN30 khi sắp đến thời điểm đáo hạn 16/03/2023. Các kỳ hạn dài hơn tháng VN30F2304, VN30F2306, VN30F2309 chênh lệch âm từ -3,25 điểm đến -9,35 điểm. Cho thấy các trader vẫn chưa có kỳ vọng về sự đảo chiều tích cực của chỉ số VN30 trong tương lai.

# MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 14/3/2023

## PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Thị trường giảm khá mạnh trong phiên hôm nay với khối lượng duy trì ở mức trung bình 20 phiên, xét tổng thể biên độ dao động của thị trường trong gần 1 tháng qua là khá hẹp. Với phiên giảm điểm hôm nay VnIndex chốt phiên giảm dưới MA20 và một lần nữa thoát ra khỏi kênh hồi phục ngắn hạn. Nếu không thể quay trở lại kênh phục hồi trong các phiên tới, VN-Index có khả năng sẽ chuyển sang trạng thái Sideway tích lũy và không có xu hướng rõ ràng.

## NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Phiên hôm nay VnIndex điều chỉnh khá mạnh, chốt phiên VnIndex giảm -12,67 điểm (-1,2%) và đóng cửa ở 1.040,13 điểm, khối lượng giao dịch ở mức bình quân 20 phiên gần nhất. Với điểm số hiện tại Vnindex lại một lần nữa giảm xuống dưới đường MA20 và thoát khỏi kênh hồi phục ngắn hạn. Trạng thái biến động điểm số của VnIndex trong thời gian qua là không lớn, có vẻ như thị trường đang dần bước vào giai đoạn tích lũy cạn kiệt như chúng tôi vẫn nhận định. Xét theo góc độ ngắn hạn, nếu VnIndex có thể phục hồi trong thời gian tới thì xu hướng hồi phục vẫn có thể tiếp diễn và hướng tới mốc kỳ vọng 1.150 điểm, tuy nhiên nhìn tổng thể biến động hẹp của thị trường trong thời gian qua có thể thấy VnIndex đang hướng về trạng thái cân bằng để tích lũy nhiều hơn.

Xu hướng trung - dài hạn của thị trường duy trì trạng thái tích lũy với biên độ hẹp và khối lượng thấp và thường sẽ kéo dài. Xét tổng thể đối với thị trường chứng khoán trong trung hạn điểm tích cực là trạng thái kỹ thuật cho thấy xu hướng tích lũy, mặt bằng giá cổ phiếu đang ở mức hấp dẫn để đầu tư tuy nhiên vẫn còn rủi ro vĩ mô, nếu thị trường bước vào giai đoạn tích lũy dần thì đó là xu hướng tích cực và cần thiết, chưa thể kỳ vọng thị trường tạo Uptrend trong thời gian ngắn sắp tới.

Về ngắn hạn thị trường vẫn đang dao động không thực sự rõ xu hướng, khả năng hồi phục ngắn hạn vẫn có nhưng không cao do đó nhà đầu tư ngắn hạn chỉ nên tham gia vào thị trường với tỷ trọng thấp. Cơ hội giải ngân vẫn hiện hữu dành cho nhà đầu tư trung - dài hạn với chiến lược tích lũy dần cổ phiếu, mục tiêu giải ngân nên hướng tới các nhóm cổ phiếu đầu ngành, các cổ phiếu đang tích lũy và không bị điều chỉnh sâu, có kỳ vọng kết quả kinh doanh tiếp tục tăng trưởng trong năm nay. Chiến lược giải ngân trung - dài hạn nên là giải ngân dần trong các giai đoạn thị trường điều chỉnh giảm.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp!



## MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 14/3/2023

## DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trường Doanh thu TTM	T.trường Lợi nhuận TTM	
FRT	69.60	69-73	85-87	64	21.1	34.1%	-12.0%	Theo dõi chờ giải ngân
LPB	14.65	13-14	17.5-18.5	12	5.2		57.0%	Theo dõi chờ giải ngân
CSV	26.85	24-27	34-36	22	3.4	33.5%	68.8%	Theo dõi chờ giải ngân
DCM	23.70	20-23	30-31	19	2.9	61.3%	134.5%	Theo dõi chờ giải ngân
ANV	30.30	25-28	34-35	23	5.7	40.1%	423.3%	Theo dõi chờ giải ngân
DGC	51.60	46-49	66-67	43	3.5	51.2%	133.1%	Theo dõi chờ giải ngân
IDC	38.10	37-39	47-49	35	5.4	91.6%	408.5%	Theo dõi chờ giải ngân
STB	24.40	23-24.5	29-30	22	9.1	0.0%	47.8%	Theo dõi chờ giải ngân

## DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
18/11/2022	PVS	24.90	17.50	28-30	25	42.29%	Nắm giữ
1/2/2023	BCM	83.10	84.00	110	81	-1.07%	Nắm giữ
16/2/2023	POW	12.85	12.10	16-16.5	12.2	6.20%	Nắm giữ
3/6/2023	PVT	19.80	20.85	25-26	20	-5.04%	Bán
3/8/2023	SZC	26.65	26.90	33-35	24	-0.93%	Nắm giữ
3/9/2023	CSV	26.85	27.40	34-36	25	-2.01%	Nắm giữ
3/9/2023	IDC	38.10	39.90	47-49	36.5	-4.51%	Nắm giữ



## TIN VĨ MÔ

**Lương 10 triệu đồng, đóng BHXH 1 năm, người lao động sẽ được nhận bao nhiêu tiền nếu rút BHXH một lần?**

Số tiền BHXH 1 lần được tính dựa trên mức tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội và thời gian mà người lao động đã đóng bảo hiểm.

**Quảng Nam đặt mục tiêu thu ngân sách đạt gần 27.000 tỷ đồng**

Năm 2023, ngân sách tỉnh Quảng Nam dự báo nhiều thách thức cần vượt qua để bảo đảm nguồn chi trong bối cảnh không có các khoản thu gia tăng đột biến. Ngay từ đầu năm nay, tỉnh Quảng Nam đã tập trung các giải pháp triển khai hiệu quả thu ngân sách, đặt mục tiêu trong năm nay thu ngân sách 27.000 tỷ đồng.

**Thu hút vốn đầu tư bất động sản tại Bình Dương tăng đột biến**

Chỉ mới 2 tháng đầu năm, Bình Dương đã thu hút hơn 340 triệu USD vốn FDI, bằng 441% so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó, lĩnh vực bất động sản chiếm đến 90%.

**Hàng không tăng bay thuê chuyến Việt Nam - Trung Quốc**

Bên cạnh mở lại các chuyến bay thường lệ, hãng hàng không cũng đã ký hợp đồng thỏa thuận với một số đối tác để thực hiện các chuyến bay thuê chuyến (charter) giữa Việt Nam - Trung Quốc.

**Đề xuất giảm số năm đóng BHXH: Cần cân đối mức lương hưu, đảm bảo mức sống tối thiểu**

Rút ngắn thời gian đóng BHXH từ 20 năm xuống còn 15 năm rất thuận lợi cho người lao động, giúp mở rộng đối tượng hưởng lương hưu cũng như giảm thiểu tình trạng rút BHXH 1 lần.

**Lộ diện lĩnh vực có mức lương cao nhất Việt Nam, có vị trí lên tới 600 triệu đồng?**

Theo báo cáo Hướng dẫn lương 2023 của Adecco, một số vị trí trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe và dịch vụ tài chính đang có mức lương cao nhất trong số các nhóm ngành.

**Hai tháng đầu năm giải ngân 1% vốn đầu tư công, Chủ tịch TP.HCM chỉ đạo khẩn**

Chủ tịch UBND TP.HCM Phan Văn Mãi vừa ký văn bản khẩn gửi các sở, ngành, quận huyện và các Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng về đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công.



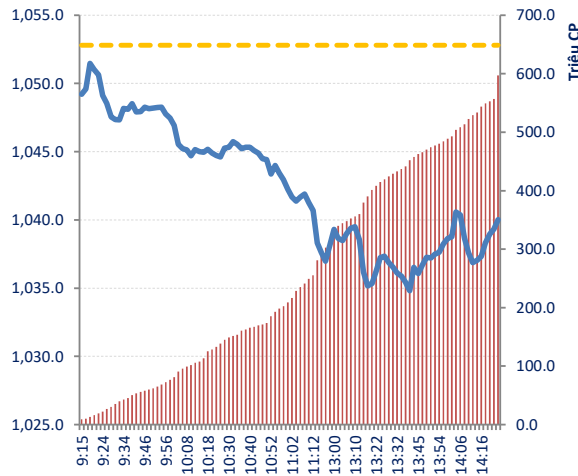
## TIN CHỨNG KHOÁN

<b>Công viên nước Đầm Sen đặt mục tiêu 2023 thu hơn 200 tỷ đồng</b>	Theo tài liệu ĐHĐCĐ thường niên 2023 mới công bố, CTCP Công viên nước Đầm Sen (HOSE: DSN) dự kiến trình thông qua mức doanh thu và lợi nhuận không chênh lệch nhiều so với thực hiện năm trước.
<b>SGR đặt kế hoạch lãi sau thuế 315 tỷ đồng trong năm 2023, tăng 46%</b>	Tổng CTCP Địa ốc Sài Gòn (HOSE: SGR) đặt mục tiêu đạt 906 tỷ đồng doanh thu và 315 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế hợp nhất trong năm 2023.
<b>Một doanh nghiệp bất động sản vừa huy động 4,700 tỷ đồng trái phiếu, lãi suất 13%/năm</b>	CTCP Đầu tư và Kinh doanh Nam An ngày 10/03 vừa hoàn tất đợt huy động 4,700 tỷ đồng trái phiếu, trong bối cảnh nhiều doanh nghiệp, kể cả ngân hàng đang gặp khó khăn trong việc huy động vốn từ kênh trái phiếu.
<b>GLT sắp chi cổ tức tổng tỷ lệ 20%</b>	CTCP Kỹ thuật Điện Toàn cầu (HNX: GLT) thông báo chốt quyền trả cổ tức bằng tiền mặt và cổ phiếu. Ngày giao dịch không hưởng quyền là 22/03/2023.
<b>CII đặt mục tiêu lãi ròng giảm 51% trong năm 2023</b>	Ngày 10/03/2023, HĐQT CTCP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE: CII) đã tổ chức họp và thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2023.
<b>VinFast bàn giao 416 ô tô điện trong tháng 2</b>	Công ty TNHH Kinh doanh Thương mại và Dịch vụ VinFast công bố kết quả kinh doanh tháng 2/2023, với 416 xe ô tô điện VF 8 và VF e34 được bàn giao cho khách hàng.
<b>DCM: Phân bón Cà Mau ký hợp tác với Tập đoàn Yetak, đẩy mạnh thị phần tại Campuchia</b>	Campuchia hiện là thị trường xuất khẩu chủ đạo của ngành phân bón Việt Nam, hai tháng đầu năm nhập khẩu 61.369 tấn, trị giá 29,581 triệu USD, tăng 15,5% về lượng và tăng 15,76% về kim ngạch.

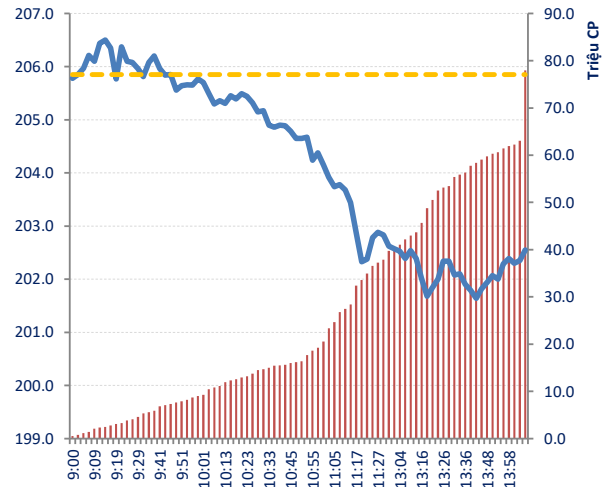


### THỐNG KÊ GIAO DỊCH

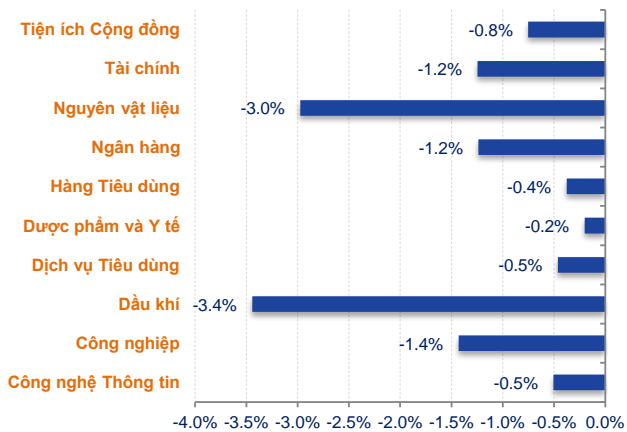
#### KLGD và VN-Index trong phiên



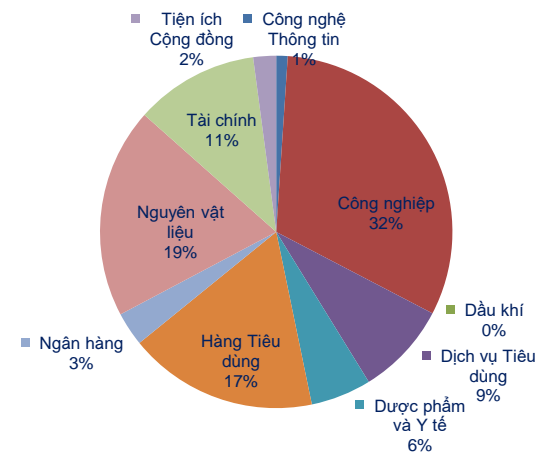
#### KLGD và HNX-Index trong phiên



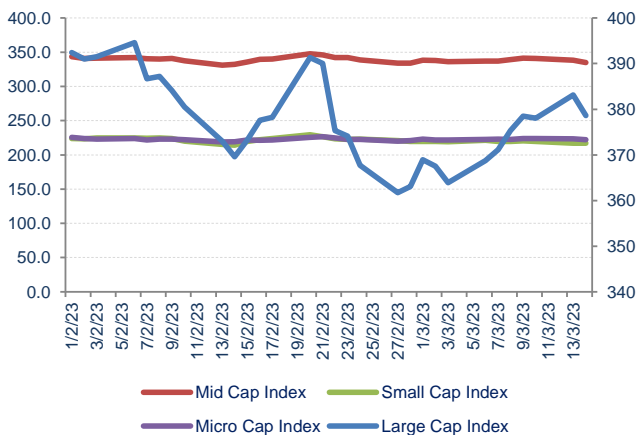
#### Biến động giá phân theo nhóm Ngành



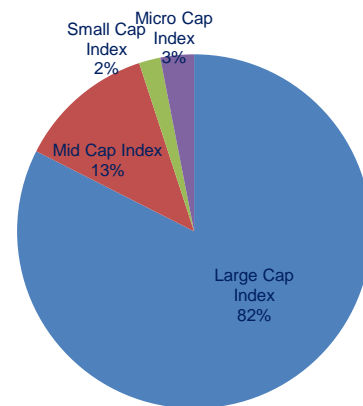
#### Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



#### Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



#### Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



#### Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ      Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ  
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ      Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



## HOSE

## HNX

## Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng	TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	POW	4,482,500	E1VFN30	1,762,800	1	TNG	257,400	SHS	77,800
2	HSG	3,850,900	STB	1,167,800	2	IDC	236,600	PLC	52,500
3	SSI	3,148,500	MBB	465,100	3	PVI	37,000	BVS	50,000
4	VHM	1,548,800	NLG	378,900	4	PVS	24,700	NRC	10,000
5	GEX	1,541,200	HCM	352,600	5	THD	9,290	MBG	5,000

## Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
HPG	21.10	20.30	↓ -3.79%	30,915,700	SHS	8.50	8.20	↓ -3.53%	14,828,765
STB	25.00	24.40	↓ -2.40%	25,349,600	PVS	26.10	24.90	↓ -4.60%	9,325,846
HSG	16.20	15.55	↓ -4.01%	25,155,000	CEO	20.00	19.60	↓ -2.00%	6,186,850
VPB	19.40	19.40	→ 0.00%	23,143,900	IDC	39.10	38.10	↓ -2.56%	4,013,757
SHB	9.94	9.98	↑ 0.40%	22,661,700	HUT	16.00	14.90	↓ -6.88%	3,495,837

## Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
D2D	22.95	24.55	1.60	↑ 6.97%	TTH	2.00	2.20	0.20	↑ 10.00%
SVI	54.70	58.50	3.80	↑ 6.95%	NBP	13.10	14.40	1.30	↑ 9.92%
SFC	16.75	17.90	1.15	↑ 6.87%	DS3	5.10	5.60	0.50	↑ 9.80%
LEC	5.68	6.05	0.37	↑ 6.51%	VMS	14.30	15.70	1.40	↑ 9.79%
SRC	21.10	22.40	1.30	↑ 6.16%	SAF	60.50	66.40	5.90	↑ 9.75%

## Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
HOT	25.75	23.95	-1.80	↓ -6.99%	VTC	15.10	13.60	-1.50	↓ -9.93%
APG	6.59	6.13	-0.46	↓ -6.98%	PEN	10.10	9.10	-1.00	↓ -9.90%
COM	33.80	31.45	-2.35	↓ -6.95%	CX8	6.10	5.50	-0.60	↓ -9.84%
VCF	248.10	230.90	-17.20	↓ -6.93%	BPC	11.20	10.10	-1.10	↓ -9.82%
ABT	35.00	32.60	-2.40	↓ -6.85%	MED	26.90	24.30	-2.60	↓ -9.67%

(\*) Giá điều chỉnh



## CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

## Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	30,915,700	9.1%	1,459	13.9	1.2
STB	25,349,600	13.8%	2,674	9.1	1.2
HSG	25,155,000	-10.0%	(1,793)	-	0.9
VPB	23,143,900	19.2%	2,715	7.1	1.3
SHB	22,661,700	19.7%	2,512	4.0	0.7

## Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	14,828,765	2.1%	224	36.6	0.7
PVS	9,325,846	6.1%	1,617	15.4	0.9
CEO	6,186,850	7.7%	1,081	18.1	1.4
IDC	4,013,757	40.1%	7,001	5.4	1.9
HUT	3,495,837	3.8%	415	35.9	1.3

## Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
D2D	↑ 7.0%	2.2%	760	32.3	0.7
SVI	↑ 6.9%	17.1%	9,086	6.4	1.0
SFC	↑ 6.9%	10.6%	1,556	11.5	1.2
LEC	↑ 6.5%	-2.4%	(381)	-	0.4
SRC	↑ 6.2%	6.4%	989	22.7	1.4

## Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
TTH	↑ 10.0%	-0.4%	(48)	-	0.2
NBP	↑ 9.9%	9.1%	1,891	7.6	0.7
DS3	↑ 9.8%	-6.7%	(706)	-	0.5
VMS	↑ 9.8%	6.6%	1,085	14.5	1.0
SAF	↑ 9.8%	30.4%	4,292	15.5	4.5

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
POW	4,482,500	5.9%	809	15.9	0.9
HSG	3,850,900	-10.0%	(1,793)	-	0.9
SSI	3,148,500	9.3%	1,367	13.9	1.3
VHM	1,548,800	20.5%	6,575	6.8	1.3
GEX	1,541,200	1.8%	446	26.7	0.5

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
TNG	257,400	18.0%	2,873	6.2	1.0
IDC	236,600	40.1%	7,001	5.4	1.9
PVI	37,000	0.5%	168	293.7	1.5
PVS	24,700	6.1%	1,617	15.4	0.9
THD	9,290	4.4%	776	50.9	2.3

## Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	430,659	24.2%	6,316	14.4	3.1
BID	227,886	19.1%	3,597	12.5	2.2
GAS	206,132	26.1%	7,732	13.9	3.4
VIC	202,139	5.7%	2,159	24.6	1.5
VHM	194,858	20.5%	6,575	6.8	1.3

## Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
THD	13,825	4.4%	776	50.9	2.3
IDC	12,573	40.1%	7,001	5.4	1.9
KSF	12,450	5.7%	1,243	33.4	1.8
PVS	11,901	6.1%	1,617	15.4	0.9
BAB	11,713	9.1%	1,057	13.6	1.2

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
DRH	2.84	0.0%	3	1,718.0	0.4
DXG	2.79	1.1%	245	43.4	0.5
NKG	2.59	-1.2%	(253)	-	0.8
DLG	2.53	-48.1%	(2,997)	-	0.4
BCG	2.50	3.1%	667	9.3	0.2

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

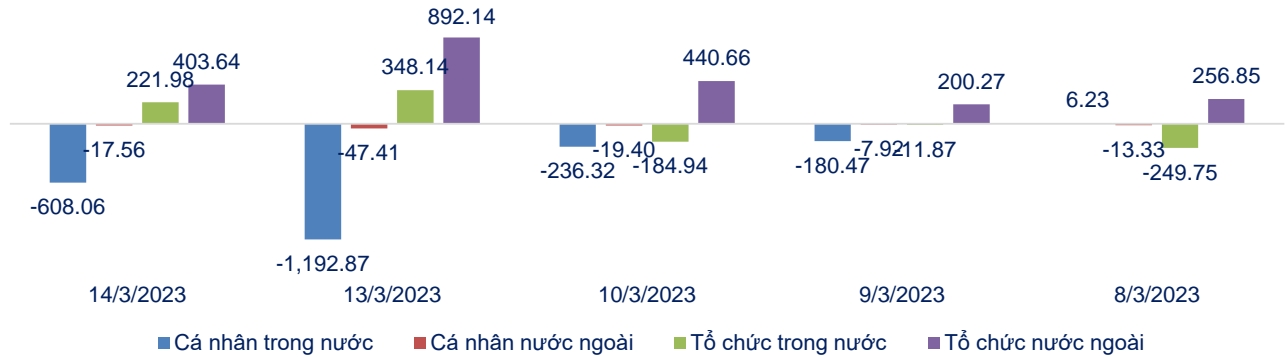
Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
L14	4.08	3.3%	615	68.3	3.2
APS	3.49	-37.7%	(5,393)	-	0.8
CEO	3.43	7.7%	1,081	18.1	1.4
API	3.32	13.2%	1,411	5.7	0.7
IDJ	3.25	9.8%	866	8.9	0.7





**THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NĐT**

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



**Top Mua ròng Cá nhân trong nước**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	40.20	26.5%	4,053	5.9	1.4
DIG	24.64	1.9%	240	45.9	0.9
LPB	12.12	22.1%	2,825	5.2	1.1
DGW	11.87	32.5%	4,190	8.3	2.4
BID	7.90	19.1%	3,597	12.5	2.2

**Top Bán ròng Cá nhân trong nước**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VHM	-87.32	20.5%	6,575	6.8	1.3
HSG	-68.14	-10.0%	(1,793)	-	0.9
POW	-61.59	5.9%	809	15.9	0.9
SSI	-60.15	9.3%	1,367	13.9	1.3
OCB	-57.34	14.9%	2,562	6.0	0.8

**Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
DPG	0.85	19.7%	6,240	4.3	0.8
FMC	0.60	15.0%	4,703	7.4	1.1
MSN	0.58	9.0%	2,511	33.3	3.2
HBC	0.34	-34.0%	(4,298)	-	0.8
DBC	0.30	3.2%	620	21.4	0.7

**Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	-6.70	9.1%	1,459	13.9	1.2
HSG	-3.79	-10.0%	(1,793)	-	0.9
VND	-2.78	10.0%	1,095	12.8	1.2
TCH	-1.26	1.5%	267	25.9	0.4
GAS	-1.12	26.1%	7,732	13.9	3.4

**Top Mua ròng Tổ chức trong nước**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
OCB	57.79	14.9%	2,562	6.0	0.8
VCB	32.78	24.2%	6,316	14.4	3.1
E1VFN30	31.19	N/A	N/A	N/A	N/A
STB	27.77	13.8%	2,674	9.1	1.2
MSN	25.57	9.0%	2,511	33.3	3.2

**Top Bán ròng Tổ chức trong nước**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	-40.20	26.5%	4,053	5.9	1.4
DIG	-24.94	1.9%	240	45.9	0.9
VPB	-14.49	19.2%	2,715	7.1	1.3
LPB	-12.32	22.1%	2,825	5.2	1.1
PHR	-9.50	27.1%	6,512	6.1	1.6

**Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VHM	69.34	20.5%	6,575	6.8	1.3
HSG	64.48	-10.0%	(1,793)	-	0.9
SSI	61.46	9.3%	1,367	13.9	1.3
POW	57.92	5.9%	809	15.9	0.9
HPG	34.29	9.1%	1,459	13.9	1.2

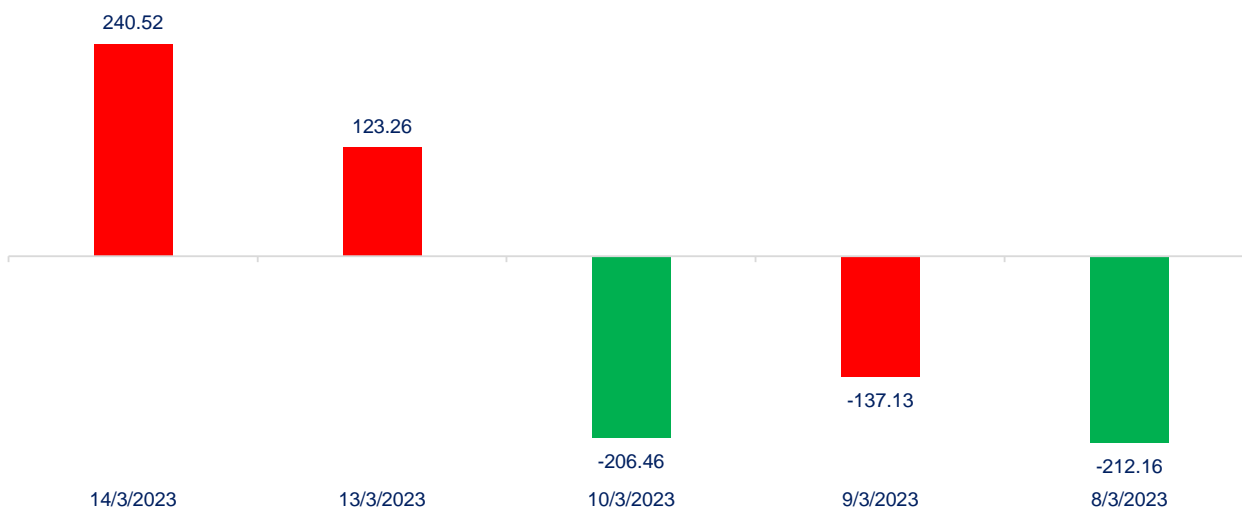
**Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
E1VFN30	-31.09	N/A	N/A	N/A	N/A
STB	-28.67	13.8%	2,674	9.1	1.2
VCB	-17.04	24.2%	6,316	14.4	3.1
NLG	-9.13	4.1%	1,452	16.5	0.7
DPM	-8.54	45.0%	14,220	2.3	0.9

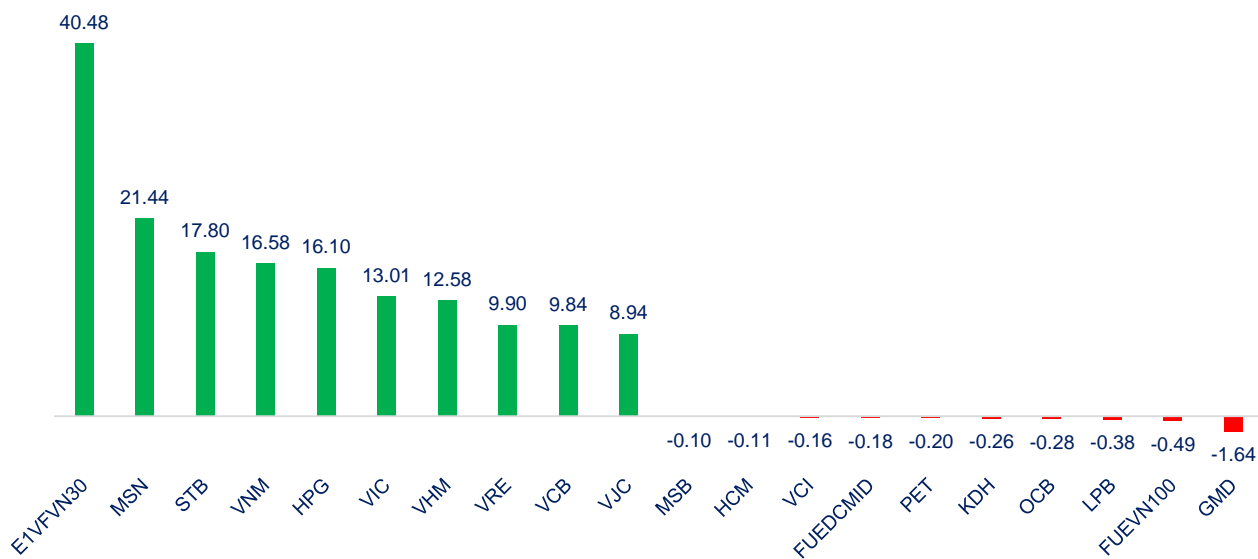


### THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





Website: [www.shs.com.vn](http://www.shs.com.vn)

Chịu trách nhiệm nội dung:

**Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường**  
[cuong.hnv2@shs.com.vn](mailto:cuong.hnv2@shs.com.vn)

**Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật**  
[nhat.pt@shs.com.vn](mailto:nhat.pt@shs.com.vn)

**Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên**  
[kien.bm@shs.com.vn](mailto:kien.bm@shs.com.vn)

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

### **Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội**

#### **Trụ sở chính tại Hà Nội**

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,  
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,  
Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Tel: 84.24.38181888  
Fax: 84.24.38181688  
Email: [contact@shs.com.vn](mailto:contact@shs.com.vn)

#### **Chi nhánh Hồ Chí Minh**

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,  
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,  
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM  
Tel: 84.28.39151368  
Fax: 84.28.39151369  
Email: [contact-hcm@shs.com.vn](mailto:contact-hcm@shs.com.vn)

#### **Chi nhánh Đà Nẵng**

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,  
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh  
Trung, Quận Thanh Khê, Thành  
phố Đà Nẵng  
Tel: 84.236.3525777  
Fax: 84.236.3525779  
Email: [contact-dn@shs.com.vn](mailto:contact-dn@shs.com.vn)